

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Tái lập hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội ngoài ranh giới Cảng hàng không quốc tế Long Thành thuộc Dự án Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 601/BC-SKHĐT ngày 21/10/2021 về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Tái lập hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội ngoài ranh giới Cảng hàng không quốc tế Long Thành thuộc Dự án Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Tái lập hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội ngoài ranh giới Cảng hàng không quốc tế Long Thành thuộc Dự án Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. UBND huyện Long Thành chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng, tổ chức điều chỉnh dự toán gói thầu (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, lưu ý thực hiện nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị và điểm a Mục 4 Phần I, Mục 5 Phần I Chỉ thị số 13/CT-

TTg ngày 04/4/2017 về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước, trong đó quy định: *“Khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải căn cứ danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, thuốc và vật tư y tế trong nước sản xuất được trên trang thông tin điện tử của các bộ quản lý chuyên ngành để xây dựng cho phù hợp với quy định; Khi lập và phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được đưa ra yêu cầu hoặc định hướng đối với việc nhà thầu tham dự thầu phải chào hàng hóa nhập khẩu khi hàng hóa trong nước đã sản xuất hoặc lắp ráp được đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, giá cả”*.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định và thực hiện các nội dung đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 601/BC-SKHĐT ngày 21 tháng 10 năm 2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Long Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ KHĐT, XD, GTVT, TC (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

Võ Tấn Đức

PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU*(Kèm theo Quyết định số**/QĐ-UBND ngày**/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1.	Gói thầu số 39 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị văn phòng, bàn ghế, dạy học, âm thanh của các Công trình Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Bình Sơn, Trụ sở Công an xã Bình Sơn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng xã Bình Sơn, Nhà Văn hóa ấp 2 xã Suối Trầu, Trường Mầm non ấp 2 xã Suối Trầu; bao gồm số lượng và chủng loại theo phụ lục II đính kèm.	8.919.341.000 (Tám tỷ, chín trăm mười chín triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn).	Ngân sách nhà nước	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV năm 2021	Trọn gói	Tối đa 210 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2.	Gói thầu số 40 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị Phòng cháy chữa cháy của các công trình Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Bình Sơn, Trụ sở Công an xã Bình Sơn, Trung	1.245.695.000 (Một tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)	Ngân sách nhà nước	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV năm 2021	Trọn gói	Tối đa 210 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

	tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng xã Bình Sơn; bao gồm số lượng và chủng loại theo phụ lục II đính kèm.	chấn).						
3.	Gói thầu số 41 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị đường dây điện và các trạm biến áp khu hành chính xã Bình Sơn và Suối Trâu; bao gồm số lượng và chủng loại theo phụ lục II đính kèm.	1.867.945.000 (Một tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).		Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV năm 2021	Trọn gói	Tối đa 210 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
4.	Gói thầu số 42 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị trạm xử lý chất thải khu hành chính xã Bình Sơn và Suối Trâu; bao gồm số lượng và chủng loại theo phụ lục II đính kèm.	1.550.186.000 (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn).		Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV năm 2021	Trọn gói	Tối đa 210 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
5.	Gói thầu số 43 (tư vấn): Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu số 39, 40, 41, 42.	27.760.000 (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).		Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2021	Trọn gói	Tối đa 25 ngày cho mỗi loại công việc của gói thầu số 39 và tối đa 20 ngày cho mỗi loại công việc của gói thầu số 40, 41, 42

6.	Gói thầu số 44 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu số 39, 40, 41, 42.	13.880.000 (Mười ba triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).		Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2021	Trọn gói	Tối đa 10 ngày cho mỗi loại công việc của gói thầu số 39 và tối đa 07 ngày cho mỗi loại công việc của gói thầu số 40, 41, 42
Tổng giá trị các gói thầu		13.624.807.000 đồng (Mười ba tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm linh bảy nghìn đồng chẵn).						

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
Gói thầu số 39 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị văn phòng, bàn ghế, dạy học, âm thanh của các Công trình Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Bình Sơn, Trụ sở Công an xã Bình Sơn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng xã Bình Sơn, Nhà Văn hóa ấp 2 xã Suối Trầu, Trường Mầm non ấp 2 xã Suối Trầu				
A. THIẾT BỊ TRỤ SỞ LÀM VIỆC HĐND - UBND XÃ BÌNH SƠN				
I./	Phòng truyền thống			
1	Bàn ghế phòng truyền thống (1 bộ = 1 bàn + 10 ghế)			
1.1	Bàn phòng truyền thống	1	Cái	
1.2	Ghế đay	10	Cái	
1.3	Tủ kiếng đựng đồ trưng bày	3	Cái	
II./	Thiết bị dùng chung cho các phòng (Văn hóa xã hội, truyền thanh, địa chính - Xây dựng, Thường trực hội đồng Nhân dân,)			
1	Tivi 55 inches + phụ kiện		Cái	
1.1	Tivi 55 inches	5	Cái	
1.2	Phụ kiện	5	Bộ	
1.3	Vật tư + Công lắp đặt	5	Bộ	
2	Bàn làm việc nhân viên	30	Cái	
3	Máy vi tính cho các phòng			
3.1	Máy vi tính	40	Bộ	
3.2	- Nhân công lắp đặt máy vi tính và cài đặt hệ thống mạng	40	Bộ	
4	Tủ đựng hồ sơ nhân viên	27	Cái	
5	Máy in 2 mặt tự động + In Wifi	15	Cái	
III./	Phòng tiếp khách			
1	Bàn ghế phòng tiếp khách			
1.1	Bàn ghế phòng tiếp khách của lãnh đạo	7	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2	Bình nước nóng lạnh	6	Cái	
3	Bộ ly tách tiếp khách	1	Bộ	
4	Tủ lạnh	1	Cái	
IV./	Văn phòng UBND			
1	Máy photocopy	1	Cái	
V./	Phòng Chủ tịch UBND+ Bí thư			
1	Bàn làm việc lãnh đạo	2	bộ	
1.1	Bàn			
1.2	Ghế			
2	Tủ đựng hồ sơ lãnh đạo	2	Cái	
VI./	Bàn, ghế Ovan phòng họp			
1	Bàn ovan	1	Cái	
2	Ghế đay	30	Cái	
3	Hệ thống âm thanh phòng họp Diện tích: 22,7 M ²			
3.1	Tăng âm truyền thanh liên Mixer	1	Cái	
3.2	Loa hộp 6W	4	Cái	
3.3	Micro cổ ngỗng Toa Em-380AS	1	Cái	
3.4	Micro không dây	1	Bộ	
3.5	Dây loa	150	M	
3.6	Vật tư lắp đặt	1	Bộ	
3.7	Thi công lắp đặt, cấu hình thiết bị, hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
4	Bục đứng, tượng Bác, bục đặt tượng bác, phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm, ...			
4.1	Bục thuyết trình	1	Cái	
4.2	Bục tượng Bác	1	Cái	
4.3	Tượng Bác	1	Tượng	
4.4	Phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm,...	1	Bộ	
5	Máy chiếu, màn chiếu và phụ kiện			
5.1	Máy chiếu	1	Cái	
5.2	Bút trình chiếu	1	Cái	
5.3	Màn chiếu điện 120 inch	1	Cái	
5.4	Giá treo máy chiếu	1	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
5.5	Phụ kiện, vật tư và công lắp đặt	1	Bộ	
VII./	Phòng họp Đảng ủy các đoàn thể (DT: 14,80 M²)			
1	Bàn, ghế Ovan phòng họp			
1.1	Bàn ovan	1	Cái	
1.2	Ghế day	20	Cái	
2	Hệ thống âm thanh phòng họp (DT: 14,8 M2)			
2.1	Tăng âm truyền thanh liên Mixer	1	Cái	
2.2	Loa hộp 6W	4	Cái	
2.3	Micro cổ ngỗng Toa Em-380AS	1	Cái	
2.4	Micro không dây	2	Bộ	
2.5	Dây loa Soundking	150	m	
2.6	Vật tư lắp đặt	1	Bộ	
2.7	Thi công lắp đặt, cấu hình thiết bị, hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
3	Bục đứng, tượng Bác, bục đặt tượng bác, phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm, ...			
3.1	Bục thuyết trình	1	Cái	
3.2	Bục tượng Bác	1	Cái	
3.3	Tượng Bác	1	Tượng	
3.4	Phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm,...	1	Bộ	
VIII	Phòng kho lưu trữ			
1	Kệ lưu hồ sơ	50	Cái	
XIX./	Hội trường (40 chỗ ngồi. DT: 73,92 M²)			
1	Bàn, ghế hội trường (1 bộ = 1 bàn + 2 ghế)			
1.1	Bàn hội trường	20	Cái	
1.2	Ghế day	40	Cái	
2	Hệ thống âm thanh hội trường (DT: 73,92 M2)			
2.1	Tăng âm truyền thanh liên Mixer	1	Cái	
2.2	Loa hộp 6W	4	Cái	
2.6	Micro cổ ngỗng	1	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2.7	Micro không dây	2	Bộ	
2.10	Dây loa Soundking	150	m	
2.16	Vật tư lắp đặt	1	Bộ	
2.17	Thi công lắp đặt, cấu hình thiết bị, hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
3	Bục đứng, tượng Bác, bục đặt tượng bác, phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm, ...			
3.1	Bục thuyết trình	1	Cái	
3.2	Bục tượng Bác	1	Cái	
3.3	Tượng Bác	1	Tượng	
3.4	Phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm,...	1	Bộ	
4	Máy chiếu, màn chiếu và phụ kiện			
4.1	Máy chiếu	1	Cái	
4.2	Bút trình chiếu	1	Cái	
4.3	Màn chiếu điện 120 inch	1	Cái	
4.4	Giá treo máy chiếu	1	Cái	
4.5	Phụ kiện, vật tư và công lắp đặt	1	Bộ	
X./	Văn phòng 1 cửa xã Bình Sơn			
	Hệ thống 1 cửa văn phòng Bình Sơn			
1	Máy photocopy	1	Cái	
2	Máy scan	1	Cái	
3	Hệ thống quầy văn phòng 01 cửa			
	Quầy văn phòng 1 cửa	8	Bộ	
3,2	Bàn phím điều khiển quầy:	8	Cái	
3,3	Bàn phím cảm ứng đánh giá chất lượng phục vụ:	8	Cái	
3,4	Bảng hiển thị số tại quầy 4 số:	8	Cái	
3,5	Phần mềm hiển thị chính lên Tivi LCD:	1	Bộ	
3,6	Hộp điều khiển trung tâm:	1	Bộ	
3,7	Điểm cấp số thứ tự cảm ứng điện dung:	1	Bộ	
3,8	Phần mềm hệ thống xếp hàng tự động dùng cho 8 quầy có bản quyền:	8	Bộ	
3,9	Vật tư thi công:	1	HT	
3,10	Công thi công, vận chuyển thiết bị:	1	HT	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
4	Ghế văn phòng 1 cửa	8	Cái	
5	Ghế phòng chờ sảnh loại 5 ghế	4	Bộ	
6	Máy quét mã vạch và tra cứu kết quả			
6,1	Máy quét mã vạch tra cứu kết quả	1	Cái	
7	Hệ thống âm thanh 1 cửa			
7,1	Tăng âm truyền thanh liên Mixer			
7.2	Loa hộp	3	Cái	
7.3	Micro điện động cầm tay	2	Cái	
7.4	Dây loa Soundking	150	M	
7.5	Vật tư lắp đặt	1	Bộ	
7.6	Thi công lắp đặt, cấu hình thiết bị, hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
8	Bảng điện tử treo tường + vật tư + phụ kiện (02 bảng)			
8.1	Bảng điện tử treo tường	2	Cái	
8.2	Cáp điện	2	Bộ	
8.3	Vật tư lắp đặt	2	Bộ	
1	Quạt hút gió thải gắn trần	4	Cái	
2	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 1HP			
2.1	Máy điều hòa 1HP Inverter	11	Bộ	
2.2	Chi phí nhân công lắp đặt, vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng, ống nước thoát, băng keo, silicon, hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công...)	11	Bộ	
3	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 1,5HP			
3.1	Máy điều hòa 1.5HP Inverter	14	Bộ	
3.2	Chi phí nhân công lắp đặt, vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng, ống nước thoát, băng keo, silicon, hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công...)	14	Bộ	
4	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 2HP			
4.1	Máy điều hòa 2HP Inverter	1	Bộ	
4.2	Chi phí nhân công lắp đặt, vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng, ống nước thoát, băng	1	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
	keo, silicon, hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công...)			
5	Máy điều hòa 2.5HP Inverter	2	Bộ	
5.2	Chi phí nhân công lắp đặt, vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng, ống nước thoát, băng keo, silicon, hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công...)	2	Bộ	
6	Chống sét lan truyền + vật tư			
6.1	Chống sét lan truyền 30kA	1	Bộ	
6.2	Vật tư lắp đặt và công lắp đặt	1	Bộ	
*	KHỎI VĂN PHÒNG MỘT CỬA			
1	Quạt hút gió gắn tường	1	Cái	
2	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 1,5HP			
2.1	Máy điều hòa 1.5HP Inverter	1	Bộ	
2.2	Chi phí nhân công lắp đặt, vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng, ống nước thoát, băng keo, silicon, hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công...)	1	Bộ	
3	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 2,5HP			
3.1	Máy điều hòa 2.5HP Inverter	2	Bộ	
3.2	Chi phí nhân công lắp đặt, vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng, ống nước thoát, băng keo, silicon, hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công...)	2	Bộ	
4	Thiết bị cắt xung sét 40KA + vật tư			
4.1	Thiết bị cắt xung sét 40KA	1	Bộ	
4.2	Kèm vật tư lắp đặt và công lắp đặt	1	Bộ	
5	Bơm nước	1	Cái	
XII./	Hệ thống an ninh - Thông tin liên lạc và thiết bị khác			
1	Camere giám sát và an ninh (02 hệ thống)			
1.1	Mắt camera	16	Cái	
1.2	Đầu ghi hình	1	Cái	
1.3	Ổ cứng lưu trữ	4	Cái	
1.4	Màn hình quan sát + phụ kiện			

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
1.4.1	Tivi 55 inches	1	Cái	
1.4.2	Phụ kiện + Vật tư + Công lắp đặt	1	Bộ	
1.5	Nguồn cấp	16	Cái	
1.6	Cáp mạng	10	Thùng	
1.7	Cáp nguồn	5	Cái	
1.8	Tủ rack	2	Cái	
1.9	Switch full PoE 4 port	10	Cái	
1.10	Switch full PoE 16 port	1	Cái	
1.11	Bộ chia hdmi 1 ra 4	2	Bộ	
1.12	Cáp HDMI 3M	6	sợi	
1.13	Thiết bị phát tín hiệu HDMI qua cáp mạng RJ45	2	Bộ	
1.14	Thiết bị nhận tín hiệu HDMI qua cáp mạng RJ45	1	Bộ	
1.15	Vật tư lắp đặt	1	HT	
1.16	Cấu hình cài đặt hệ thống camera	1	HT	
1.17	Nhân công lắp đặt và hoàn thiện mặt bằng	16	Bộ	
2	Rèm che			
2.1	Rèm che cửa đi	236	M ²	
2.2	Rèm che cửa sổ	134	M ²	
3	Bảng tên phòng	30	Cái	
*	KHỐI NHÀ LÀM VIỆC			
1	Hệ thống máy tính chủ (Server)			
1.1	Máy tính chủ (Server)	1	Bộ	
1.2	Màn hình	1	Bộ	
2	Bộ lưu điện UPS MARUSON ULT-W6K	1	Bộ	
3	Tủ Mạng Rack	1	Bộ	
4	Hệ thống mạng không dây (Wifi)			
4.1	Modem phát wifi	4	Bộ	
4.2	Card thu wifi	39	Bộ	
5	Cấu hình hệ thống máy tính chủ và hệ thống mạng không dây	1	HT	
6	Vật tư thi công hệ thống máy chủ và			

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
	phụ kiện lắp đặt			
6.1	Thiết bị chuyên mạch Cisco	1	Cái	
6.2	Cáp mạng	5	Thùng	
6.3	Vật tư thi công hệ thống máy chủ và hệ thống mạng không dây	1	HT	
*	KHỐI VĂN PHÒNG MỘT CỬA			
1	Hệ thống mạng không dây (Wifi)			
2	Modem phát wifi	1	Bộ	
3	Card thu wifi	8	Bộ	
3	Vật tư phụ và thi công hệ thống	1	HT	
B.	TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ BÌNH SƠN			
1	Bàn ghế làm việc Trưởng CAX	1	Bộ	
2	Bàn làm việc Phó CAX	2	Bộ	
3	Bàn Ovan phòng họp			
3.1	Bàn ovan	1	Cái	
3.2	Ghế phòng họp hội trường	15	Cái	
4	Bàn ghế làm việc các phòng ban	10	Cái	
5	Tủ đựng tài liệu	5	Cái	
6	Máy vi tính + Vật tư			
6.1	Máy vi tính	10	Bộ	
6.2	Nhân công lắp đặt máy vi tính và cài đặt hệ thống mạng	10	Bộ	
7	Máy in	3	Cái	
8	Bảng công tác (1m x 1,6m)	2	Cái	
9	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách phòng tiếp dân			
9.1	Bàn họp phòng tiếp dân	2	Cái	
9.2	Ghế tiếp khách phòng tiếp dân	12	Cái	
10	Thiết bị nhà bếp			
10.1	Nồi cơm điện loại lớn	1	Cái	
10.2	Nồi nấu D400	3	Cái	
10.3	Chảo nhôm D460	2	Cái	
10.4	Vá múc canh tròn inox	5	Cái	
10.5	Vá múc cơm Inox	5	Cái	
10.6	Chén Inox 2 lớp	40	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
10.7	Muỗng ăn cơm Inox	30	Cái	
10.8	Thớt đựng cơm canh có nắp đậy	5	Cái	
10.9	Đĩa Inox	15	Cái	
10.10	Hộp đựng muỗng đũa	5	Cái	
10.11	Lồng bàn đậy thức ăn loại lớn	5	Cái	
10.12	Rổ đựng thức ăn Inox	6	Cái	
10.13	Khay đựng thức ăn 4 ngăn	30	Cái	
10.14	Đũa ăn cơm Inox	30	Đôi	
10.15	Thau Inox lớn dùng để rửa chén, nồi, rau	4	Cái	
10.16	Ly thủy tinh	30	Cái	
10.17	Dao cắt thịt	5	Cái	
10.18	Thớt	3	Cái	
10.19	Bếp Gas	1	Cái	
10.20	Bình Gas	2	Bộ	
10.21	Tủ đựng dụng cụ bếp	1	Cái	
10.22	Tủ Inox đựng thức ăn	1	Cái	
10.23	Bàn inox tròn 1,2m	3	Cái	
10.24	Ghế phòng ăn	30	Cái	
10.25	Tủ lạnh	1	Cái	
11	Giường tầng + vật tư			
11.1	Giường tầng	7	Cái	
11.2	Nệm	14	Cái	
11.3	Phụ kiện cơ bản: 01 gối + 01 chăn mỏng, vỏ bọc nệm + mùng	14	Bộ	
12	Tủ đựng đồ dùng cá nhân 9 hộc	1	Cái	
13	Tivi 55 inches + phụ kiện			
13.1	Tivi 55 inches	1	Cái	
13.2	Phụ kiện	1	Bộ	
13.3	Vật tư + Công lắp đặt	1	Bộ	
14	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 1.5HP + Phụ kiện			
14.1	Máy điều hòa 1.5HP Inverter	2	Bộ	
14.2	Chi phí nhân công lắp đặt, hoàn thiện mặt bằng vật tư phụ (Giá đỡ cục nóng,	2	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
	CB, ống thoát nước, băng keo, silicon,...)			
15	Điều hòa không khí loại 2 cục inverter 2HP + Phụ kiện			
15.1	Máy điều hòa 2HP Inverter	3	Bộ	
15.2	Chi phí nhân công lắp đặt, hoàn thiện mặt bằng vật tư phụ (Ống gas, bảo ôn cách nhiệt, giá đỡ cục nóng, CB, ống thoát nước, băng keo, silicon,...)	3	Bộ	
C	TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG XÃ BÌNH SƠN			
I./	Phòng Thông tin và Truyền Thanh			
1	Bàn làm việc nhân viên	1	Cái	
2	Bàn ghế làm việc tác nghiệp (1 bàn 8 ghế)			
2.1	Bàn làm việc tác nghiệp	1	Cái	
2.2	Ghế đay	8	Cái	
3	Máy vi tính + Phụ kiện			
3.1	Máy vi tính	2	Bộ	
3.2	- Nhân công lắp đặt máy vi tính và cài đặt hệ thống mạng	2	Bộ	
4	Máy in 2 mặt tự động + In Wifi	1	Cái	
5	Tivi 55 inches + phụ kiện			
5.1	Tivi 55 inches	1	Cái	
5.2	Phụ kiện	1	Bộ	
5.3	Vật tư lắp đặt	1	HT	
6	Tủ đựng hồ sơ nhân viên	2	Cái	
II./	Phòng hành chính			
1	Bàn ghế làm việc tác nghiệp (1 bàn 8 ghế)			
1.1	Bàn làm việc tác nghiệp	3	Cái	
2	Máy vi tính+ phụ kiện			
2.1	Máy vi tính	3	Bộ	
2.2	- Nhân công lắp đặt máy vi tính và cài đặt hệ thống mạng	3	Bộ	
3	Máy in 2 mặt tự động + In Wifi	1	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
4	Tủ đựng hồ sơ nhân viên	3	Cái	
III./	Phòng học câu lạc bộ			
1	Quầy mượn và trả sách	1	Cái	
2	Bàn ghế đọc sách			
2.1	Bàn:	2	Cái	
2.2	Ghế đay	24	Cái	
3	Giá sách	5	Cái	
4	Tủ sách	5	Cái	
5	Bàn làm việc	20	Cái	
6	Ghế sinh hoạt	100	Cái	
IV./	Hội trường 250 chỗ (DT: 240 M²)			
1	Bàn, ghế hội trường (1 bộ = 1 bàn + 2 ghế)			
	Bàn hội trường	125	Cái	
2	Ghế đay	250	Cái	
3	Bục đứng, bục đặt tượng Bác Hồ, tượng Bác Hồ, phong màn			
3.1	Bục thuyết trình	1	Cái	
3.2	Bục tượng Bác	1	Cái	
3.3	Tượng Bác	1	Tượng	
3.4	Phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm,...	1	Bộ	
4	Hệ thống âm thanh hội trường 250 chỗ			
4.1	Mixer 12 kênh	1	Cái	
4.2	Loa full đơn	4	Cái	
4.3	Loa siêu trầm	2	Cái	
4.4	Amplify 2 kênh	2	Cái	
4.5	Lọc tần số 31 cần x 2 kênh	1	Cái	
4.6	Micro cổ ngỗng	2	Cái	
4.7	Micro không dây	2	Bộ	
4.8	Chân loa Soundking	4	Cái	
4.9	Khung di chuyển loa SUB	2	Cái	
4.10	Dây loa Soundking	150	m	
4.11	Dây 3 ruột Soundking	60	m	
4.12	Bộ xử lý tín hiệu crossover	1	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
4.13	Jack loa	12	Cái	
4.14	Jack Canon	16	Cái	
4.15	Tủ máy để thiết bị 16U	1	Cái	
4.16	Vật tư lắp đặt	1	Bộ	
4.17	Thi công lắp đặt, cấu hình thiết bị, hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
5	Tivi 55 inches + phụ kiện			
5.1	Tivi 55 inches	1	Cái	
5.2	Phụ kiện	1	Bộ	
5.3	Vật tư + Công lắp đặt	1	Bộ	
6	Máy chiếu, màn chiếu và phụ kiện			
6.1	Máy chiếu	1	Cái	
6.2	Bút trình chiếu	1	Cái	
6.3	Màn chiếu điện 120 inch	1	Cái	
6.4	Giá treo máy chiếu	1	Cái	
6.5	Phụ kiện, vật tư và công lắp đặt	1	Cái	
6.6	Máy tính xách tay trình chiếu	1	Bộ	
VI./	Phòng tập thể thao			
1	'Bộ dụng cụ bóng bàn	2	Bộ	
2	Xe đạp tập không giới hạn lứa tuổi tập luyện	1	Bộ	
3	Dụng cụ tập lưng bụng đôi	1	Bộ	
4	Máy tập kéo tay	1	Bộ	
5	Máy tập đẩy tay	1	Bộ	
6	Cụm đạp xe, xoay eo, đi bộ chuyên dùng tập đạp xe, xoay eo, đi bộ trên không ngoài trời:	1	Bộ	
7	Cụm lưng bụng, xoay eo, xe đạp chuyên dùng tập lưng bụng, xoay eo, đạp xe trên không ngoài trời:	1	Bộ	
8	Cụm lưng bụng, xoay eo, đi bộ chuyên dùng tập lưng bụng, xoay eo, đi bộ trên không ngoài trời:	1	Bộ	
9	Cụm ba chức năng Tay Vai - Đi bộ - Xoay eo	1	Bộ	
10	Công lắp đặt + Phụ kiện thiết bị thể thao	7	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
	ngoài trời			
D	HẠNG MỤC NHÀ VĂN HÓA ÁP 2 SUỐI TRÀU			
I./	Hệ thống âm thanh hội trường 100 chỗ			
1	Mixer 12 kênh	1	Cái	
2	Loa full đơn	4	Cái	
3	Loa siêu trầm	2	Cái	
4	Amplify 2 kênh	2	Cái	
5	Lọc tần số 31 cần x 2 kênh	1	Cái	
6	Micro cổ ngỗng	2	Cái	
7	Micro không dây	2	Bộ	
8	Chân loa Soundking	4	Cái	
9	Khung di chuyển loa SUB	2	Cái	
10	Dây loa Soundking	150	m	
11	Dây 3 ruột Soundking	60	m	
12	Bộ xử lý tín hiệu crossover	1	Cái	
13	Jack loa	12	Cái	
14	Jack Canon	16	Cái	
15	Tủ máy để thiết bị 16U	1	Cái	
16	Vật tư lắp đặt	1	Bộ	
17	Thi công lắp đặt, cấu hình thiết bị, hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
II./	Bục đứng, tượng Bác, bục đặt tượng bác, phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm...			
1	Bục thuyết trình	1	Cái	
2	Bục tượng Bác	1	Cái	
3	Tượng Bác	1	Tượng	
4	Phong màn, khẩu hiệu, cờ búa liềm,...	1	Bộ	
III./	Máy chiếu, màn chiếu và phụ kiện			
1	Máy chiếu	1	Cái	
2	Bút trình chiếu	1	Cái	
3	Màn chiếu điện 120 inch	1	Cái	
4	Giá treo máy chiếu	1	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
5	Phụ kiện, vật tư và công lắp đặt	1	Cái	
IV./	Tivi 55 inches + phụ kiện			
1	Tivi 55 inches	1	Cái	
2	Phụ kiện	1	Bộ	
3	Vật tư + Công lắp đặt	1	Bộ	
V./	Bàn ghế phòng hội trường 50 chỗ (1 bàn , 2 ghế)			
1	Bàn hội trường	50	Cái	
2	Ghế đay	100	Cái	
Đ.	THIẾT BỊ TRƯỜNG MẦM NON ÁP 2 SUỐI TRÀU			
I./	Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi (1 lớp/35 trẻ)			
1	Đồ dùng			
1.1	Giá phơi khăn	1	Cái	
1.2	Cốc uống nước	35	Cái	
1.3	Tủ đựng ca cốc	1	Cái	
1.4	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ (giỏ, dép)	2	Cái	
1.5	Tủ đồ dùng giáo viên	1	Cái	
1.6	Tủ đựng chăn, gối, nệm.	2	Cái	
1.7	Giường ngủ của bé	35	Cái	
1.8	Ghế ngồi tháo giày dép	3	Cái	
1.9	Ghế bô	1	Cái	
1.10	Xô	2	Cái	
1.11	Chậu	2	Cái	
1.12	Bàn giáo viên mầm non	2	Cái	
1.13	Ghế giáo viên	2	Cái	
1.14	Bàn cho trẻ	18	Cái	
1.15	Ghế cho trẻ	35	Cái	
1.16	Thùng đựng rác có phân loại Thùng rác 3 ngăn phân loại rác thải	2	Cái	
1.17	Tivi 55 inches	1	Cái	
1.18	Phụ kiện	5	Bộ	
1.19	Vật tư + Công lắp đặt	5	Bộ	
1.20	Đàn Organ	1	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
1.21	Giá đồ đồ chơi và học liệu	6	Cái	
1.22	Tủ thuốc treo tường	1	Cái	
1.23	Tủ để bàn chải	2	Cái	
2	Thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu			
2.1	Bàn chải đánh răng trẻ em	35	Cái	
2.2	Mô hình hàm răng	3	Cái	
2.3	Vòng thẻ đục to	2	Cái	
2.4	Vòng thẻ đục nhỏ	35	Cái	
2.5	Gậy thẻ đục nhỏ	35	Cái	
2.6	Cổng chui	5	Cái	
2.7	Cột ném bóng	2	Cái	
2.8	Vòng thẻ đục cho giáo viên	1	Cái	
2.9	Gậy thẻ đục cho giáo viên	1	Cái	
2.10	Bộ chun học toán	6	Cái	
2.11	Ghế băng thẻ đục	2	Cái	
2.12	Bục bật sâu	2	Cái	
2.13	Nguyên liệu để đan tết	1	Kg	
2.14	Các khối hình học	10	Bộ	
2.15	Bộ khâu dây tạo hình	10	Hộp	
2.16	Kéo thủ công	35	Cái	
2.17	Kéo văn phòng	1	Cái	
2.18	Bút chì đen	35	Cái	
2.19	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	35	Hộp	
2.20	Giấy màu	35	Túi	
2.21	Bộ dinh dưỡng 1	1	Bộ	
2.22	Bộ dinh dưỡng 2	1	Bộ	
2.23	Bộ dinh dưỡng 3	1	Bộ	
2.24	Bộ dinh dưỡng 4	1	Bộ	
2.25	Tháp dinh dưỡng	1	Cái	
2.26	Lô tô dinh dưỡng	6	Bộ	
2.27	Bộ luân hạt	5	Bộ	
2.28	Bộ lắp ghép	2	Bộ	
2.29	Búp bê bé trai (cao - thấp)	3	Con	
2.30	Búp bê bé gái (cao- thấp)	3	Con	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2.31	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	1	Bộ	
2.32	Bộ dụng cụ bác sỹ	2	Bộ	
2.33	Tranh cảnh báo nguy hiểm	1	Bộ	
2.34	Bộ ghép hình hoa	3	Bộ	
2.35	Bộ lắp ráp nút tròn	3	Bộ	
2.36	Hàng rào nhựa	3	Bộ	
2.37	Bộ xây dựng	3	Bộ	
2.38	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	2	Bộ	
2.39	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	2	Bộ	
2.40	Đồ chơi các phương tiện giao thông	2	Bộ	
2.41	Bộ lắp ráp xe lửa	1	Bộ	
2.42	Bộ động vật biển	2	Bộ	
2.43	Bộ động vật sống trong rừng	2	Bộ	
2.44	Bộ động vật nuôi trong gia đình	2	Bộ	
2.45	Bộ côn trùng	2	Bộ	
2.46	Tranh về các loài hoa, rau, quả, củ	1	Bộ	
2.47	Nam châm thẳng	3	Cái	
2.48	Kính lúp	3	Cái	
2.49	Phễu nhựa	3	Cái	
2.50	Bể chơi với cát và nước	1	Bộ	
2.51	Cân thăng bằng	2	Bộ	
2.52	Bộ làm quen với toán	18	Bộ	
2.53	Đồng hồ lắp ráp	3	Bộ	
2.54	Bàn tính học đếm	3	Bộ	
2.55	Bộ hình phẳng	35	Túi	
2.56	Ghép nút lớn	3	Túi	
2.57	Bộ đồ chơi nấu ăn	3	Bộ	
2.58	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	3	Bộ	
2.59	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	1	Bộ	
2.60	Một số hình ảnh lễ hội, danh lam, thắng cảnh	1	Bộ	
2.61	Bảng quay 2 mặt	1	Cái	
2.62	Bộ sa bàn giao thông	1	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2.63	Lô tô động vật	10	Bộ	
2.64	Lô tô thực vật	10	Bộ	
2.65	Lô tô phương tiện giao thông	10	Bộ	
2.66	Lô tô đồ vật	10	Bộ	
2.67	Tranh số lượng	1	Tờ	
2.68	Đomino học toán	5	Bộ	
2.69	Bộ chữ số và số lượng	18	Bộ	
2.70	Lô tô hình và số lượng	18	Bộ	
2.71	Bộ tranh truyện mẫu giáo 4 - 5 tuổi	2	Bộ	
2.72	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 4- 5 tuổi	2	Bộ	
2.73	Bộ tranh mẫu giáo 4-5 tuổi theo chủ đề	2	Bộ	
2.74	Tranh, ảnh về Bác Hồ	1	Bộ	
2.75	Lịch của trẻ	1	Bộ	
2.76	Bộ chữ và số	6	Bộ	
2.77	Bộ trang phục Công an	1	Bộ	
2.78	Bộ trang phục Bộ đội	1	Bộ	
2.79	Bộ trang phục Bác sỹ	1	Bộ	
2.80	Bộ trang phục nấu ăn	1	Bộ	
2.81	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	1	Bộ	
2.82	Gạch xây dựng	1	Thùng	
2.83	Con rối	1	Bộ	
2.84	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	5	Cái	
2.85	Đất nặn	35	Hộp	
2.86	Bộ màu nước	35	Hộp	
2.87	Bút lông cỡ to	12	Cái	
2.88	Bút lông cỡ nhỏ	12	Cái	
2.89	Dập ghim	1	Cái	
2.90	Bìa các màu	100	Tờ	
2.91	Giấy trắng A0	200	Tờ	
2.92	Kẹp sắt các cỡ	10	Bộ	
2.93	Dập lỗ	1	Cái	
2.94	Bảng con	35	Cái	
3	Sách - tài liệu - băng đĩa			

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
3.1	Đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru, thơ.	1	Bộ	
3.2	Đĩa thơ ca, truyện kể	1	Bộ	
3.3	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể" P1	1	Bộ	
3.4	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể" P2	1	Bộ	
3.5	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh" P1	1	Bộ	
3.6	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh" P2	1	Bộ	
3.7	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	1	Bộ	
4	Kho đồ dùng			
4.1	Kệ đựng dụng cụ	2	Cái	
4.2	Tủ đựng dụng cụ	2	Cái	
II./	Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi (1 lớp/40 trẻ)			
1	Đồ dùng			
1.1	Giá phơi khăn	1	Cái	
1.2	Cốc uống nước	40	Cái	
1.3	Tủ đựng ca cốc	1	Cái	
1.4	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ (giỏ, dép)	3	Cái	
1.5	Tủ đồ dùng giáo viên	1	Cái	
1.6	Tủ đựng chăn, gối, nệm.	2	Cái	
1.7	Giường ngủ của bé	40	Cái	
1.8	Nệm, gối	40	Cái	
1.9	Thùng đựng rác có phân loại Thùng rác 3 ngăn phân loại rác thải	3	Cái	
1.10	Ghế xô	2	Cái	
1.11	Xô	2	Cái	
1.12	Chậu	2	Cái	
1.13	Ghế ngồi tháo giày dép	4	Cái	
1.14	Bàn cho trẻ	20	Cái	
1.15	Ghế cho trẻ	40	Cái	
1.16	Bàn giáo viên mầm non	2	Cái	
1.17	Ghế giáo viên	2	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
1.18	Tivi 55 inches	1	Cái	
1.18	Phụ kiện	5	Bộ	
1.19	Vật tư + Công lắp đặt	5	Bộ	
1.20	Đàn Organ	1	Cái	
1.21	Giá để đồ chơi và học liệu	6	Cái	
1.22	Tủ thuốc treo tường	1	Cái	
1.23	Tủ để bàn chải	1	Cái	
2	Thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu			
2.1	Bàn chải đánh răng trẻ em	40	Cái	
2.2	Mô hình hàm răng	5	Cái	
2.3	Vòng thẻ đục to	3	Cái	
2.4	Vòng thẻ đục nhỏ	40	Cái	
2.5	Gậy thẻ đục nhỏ	40	Cái	
2.6	Xắc xô to	3	Cái	
2.7	Cổng chui	7	Cái	
2.8	Gậy thẻ đục to	3	Cái	
2.9	Cột ném bóng	4	Cái	
2.10	Bóng các loại	20	Quả	
2.11	Đồ chơi Bowling	10	Bộ	
2.12	Dây thừng	6	Cái	
2.13	Nguyên liệu để đan tết	2	kg	
2.14	Kéo thủ công	40	Cái	
2.15	Kéo văn phòng	1	Cái	
2.16	Bút chì đen	40	Cái	
2.17	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	40	Hộp	
2.18	Bộ dinh dưỡng 1	1	Bộ	
2.19	Bộ dinh dưỡng 2	1	Bộ	
2.20	Bộ dinh dưỡng 3	1	Bộ	
2.21	Bộ dinh dưỡng 4	1	Bộ	
2.22	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	1	Bộ	
2.23	Bộ lắp ráp kỹ thuật	3	Bộ	
2.24	Bộ xếp hình xây dựng (51 chi tiết)	3	Bộ	
2.25	Bộ luân hạt	7	Bộ	
2.26	Bộ lắp ghép (khối chữ X)	3	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2.27	Đồ chơi các phương tiện giao thông	3	Bộ	
2.28	Bộ lắp ráp xe lửa	1	Bộ	
2.29	Bộ sa bàn giao thông	1	Bộ	
2.30	Bộ động vật sống dưới nước	3	Bộ	
2.31	Bộ động vật sống trong rừng	3	Bộ	
2.32	Bộ động vật nuôi trong gia đình	3	Bộ	
2.33	Bộ côn trùng	3	Bộ	
2.34	Cân chia vạch	1	Cái	
2.35	Nam châm thẳng	5	Cái	
2.36	Kính lúp	5	Cái	
2.37	Phễu nhựa	5	Cái	
2.38	Bể chơi với cát và nước	1	Bộ	
2.39	Ghép nút lớn	7	Bộ	
2.40	Bộ ghép hình hoa	7	Bộ	
2.41	Bộ chun học toán	7	Bộ	
2.42	Đồng hồ học số, học hình	3	Cái	
2.43	Bàn tính học đếm	3	Cái	
2.44	Bộ làm quen với toán	40	Bộ	
2.45	Bộ hình khối	10	Bộ	
2.46	Bộ nhận biết hình phẳng	40	Túi	
2.47	Bộ que tính	40	Bộ	
2.48	Lô tô động vật	20	Bộ	
2.49	Lô tô thực vật	20	Bộ	
2.50	Lô tô phương tiện giao thông	20	Bộ	
2.51	Lô tô đồ vật	20	Bộ	
2.52	Domino chữ cái và số	15	Hộp	
2.53	Bảng quay 2 mặt	1	Cái	
2.54	Bộ chữ cái	20	Bộ	
2.55	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	20	Bộ	
2.56	Lịch của trẻ	1	Bộ	
2.57	Tranh ảnh về Bác Hồ	1	Bộ	
2.58	Tranh cảnh báo nguy hiểm	1	Bộ	
2.59	Tranh ảnh một số nghề phổ biến	1	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2.60	Bộ tranh truyện mẫu giáo 5 - 6 tuổi	2	Bộ	
2.61	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	2	Bộ	
2.62	Bộ Tranh mẫu giáo 5-6 tuổi theo chủ đề	2	Bộ	
2.63	Bộ dụng cụ lao động	3	Bộ	
2.64	Bộ đồ chơi nhà bếp	2	Bộ	
2.65	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	3	Bộ	
2.66	Bộ đồ chơi nấu ăn	3	Bộ	
2.67	Bộ trang phục nấu ăn	2	Bộ	
2.68	Búp bê bé trai (cao - thấp)	5	Con	
2.69	Búp bê bé gái (cao- thấp)	5	Con	
2.70	Bộ trang phục công an	3	Bộ	
2.71	Doanh trại bộ đội	3	Bộ	
2.72	Bộ trang phục bộ đội	3	Bộ	
2.73	Bộ trang phục công nhân	3	Bộ	
2.74	Bộ dụng cụ bác sỹ	3	Bộ	
2.75	Bộ trang phục bác sỹ	3	Bộ	
2.76	Gạch xây dựng	3	Thùng	
2.77	Bộ xếp hình xây dựng	3	Bộ	
2.78	Hàng rào lắp ghép lớn	5	Túi	
2.79	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	15	Cái	
2.80	Đất nặn	40	hộp	
2.81	Bộ màu nước	40	hộp	
2.82	Bút lông cỡ to	15	Cái	
2.83	Bút lông cỡ nhỏ	15	Cái	
2.84	Dập ghim	1	Cái	
2.85	Bìa các màu	100	Tờ	
2.86	Giấy trắng A0	200	Tờ	
2.87	Kẹp sắt các cỡ	10	Cái	
2.88	Dập lỗ	1	Cái	
2.89	Bảng con	40	Cái	
3	Sách - tài liệu - băng đĩa			
3.1	Đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru, thơ.	1	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
3.2	Đĩa thơ ca, truyện kể	1	Bộ	
3.3	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể" P1	1	Bộ	
3.4	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể" P2	1	Bộ	
3.5	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh" P1	1	Bộ	
3.6	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh" P2	1	Bộ	
3.7	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	1	Bộ	
3.8	Băng/đĩa hình các hoạt động giáo dục theo chủ đề	1	Bộ	
3.9	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Quê hương, đất nước	1	Bộ	
3.10	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Gia đình	1	Bộ	
3.11	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Trường tiểu học	1	Bộ	
3.12	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Bản thân	1	Bộ	
3.13	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Thế giới động vật	1	Bộ	
3.14	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Thế giới thực vật	1	Bộ	
3.15	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Tết và mùa xuân	1	Bộ	
3.16	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: Nghề nghiệp	1	Bộ	
3.17	Băng/đĩa các hoạt động giáo dục theo chủ đề: An toàn giao thông	1	Bộ	
4	KHO ĐỒ DÙNG			
4.1	Kệ đựng dụng cụ	2	Cái	
4.2	Tủ đựng dụng cụ	2	Cái	
III./	BẾP ĂN TRƯỜNG MẦM NON ÁP 2 XÃ SUỐI TRÀU			
1	Nồi cơm điện	2	Cái	
2	Bếp gas	1	Cái	
3	Bình gas công nghiệp	2	Bình	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
4	Hệ thống cấp nước đến bếp	2	HT	
5	Tủ Inox đựng thức ăn:	1	Cái	
6	Tủ Inox đựng soong nồi:	1	Cái	
7	Bàn sắt thái:	1	Cái	
8	Nồi soong Inox to	2	Cái	
9	Nồi soong Inox vừa	2	Cái	
10	Thau mú lớn rửa rau, củ, quả	2	Cái	
11	Thau mú nhỏ	2	Cái	
12	Thau Inox chia thức ăn cho các lớp	2	Cái	
13	Thau Inox chia cơm cho các lớp	2	Cái	
14	Xô Inox chia canh cho các lớp	2	Cái	
15	Tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm + phụ kiện:	1	Bộ	
16	Dao sắt thái thực phẩm chín	2	Cái	
17	Dao sắt thái thực phẩm sống	2	Cái	
18	Chảo lớn	2	Cái	
19	Rổ Inox đựng thực phẩm (gồm 3 cái	1	Bộ	
20	Nồi hấp bằng nhôm	1	Cái	
21	Xô Inox đựng thức ăn thừa	1	Cái	
22	Bình nấu nước siêu tốc	2	Cái	
23	Thớt chặt thức ăn sống (1 bộ gồm 2 cái)	1	Bộ	
24	Ray Inox dày xịn cao cấp đường kính 23 (cm)	1	Cái	
25	Vợt để vớt thức ăn bằng Inox đường kính 28 (cm)	1	Cái	
26	Sạn Inox dày lớn	2	Cái	
27	Vá múc canh tròn Inox dày, cán đen dài 25 (cm)	2	Cái	
28	Vá múc cơm thái	2	Cái	
29	Vá nhôm	2	Cái	
30	Vá nhôm	2	Cái	
31	Cối giã Inox dày đường kính 19 (cm) + chày	1	Bộ	
32	Bộ đựng gia vị bằng thủy tinh (5 cái) + 01 kệ Inox	1	Bộ	
33	Chén Inox	50	Cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
34	Muỗng ăn cơm Inox	50	Cái	
35	Muỗng yaour Inox	50	Cái	
36	Cân đồng hồ 30kg	1	Cái	
37	Nồi áp suất	1	Cái	
IV./	THIẾT BỊ ĐỒ CHƠI NGOÀI TRỜI			
1	Bảng thông tin tuyên truyền ngoài trời, cò chân và mái che	1	Cái	
2	Cầu trượt	1	Cái	
3	Thùng rác hình thú	1	Cái	
4	Bập bênh	1	Cái	
5	Thú nhún	1	Cái	
	TỔNG CỘNG GÓI THẦU SỐ 39			8.919.341.000
Gói thầu số 40 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị Phòng cháy chữa cháy của các công trình Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Bình Sơn, Trụ sở Công an xã Bình Sơn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng xã Bình Sơn.				
I/ THIẾT BỊ TRỤ SỞ LÀM VIỆC HĐND - UBND XÃ BÌNH SƠN				
1	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel (Q=75m ³ /h ; H=50m)	1	máy	
2	Máy bơm chữa cháy động cơ điện liên trục (Q=75m ³ /h ; H=50m)	1	máy	
2	Máy bơm điện bù áp (Q=5.4m ³ /h ; H=50m)	1	máy	
3	Van khóa mỗi bơm DN32 (Ø42)	2	cái	
3	Van khoá DN50 (van bướm tay gạt Ø60)	1	cái	
4	Van khoá DN100 (van bướm tay gạt Ø114)	4	cái	
4	Van khoá DN80 (van bướm tay gạt Ø90)	4	cái	
5	Van cổng DN100 (Ø114)	5	cái	
5	Van bướm 1 chiều DN100 (Ø114)	4	cái	
6	Van bướm 1 chiều DN50 (Ø60)	2	cái	
6	Van an toàn DN50 (Ø60)	2	cái	
7	Chống rung chân máy bơm	8	cái	
7	Lúp be DN100 (Ø114)	2	cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
8	Lúp be DN50 (Ø60)	1	cái	
8	Đồng hồ đo áp lực + Van bi + Siphon	1	bộ	
9	MCB 3P- 100A	1	cái	
9	Giá đỡ tủ điều khiển bơm	1	bộ	
10	Tủ điều khiển máy bơm	1	tủ	
10	Trụ chờ tiếp nước ngoài nhà, 2 họng	2	trụ	
11	Họng chữa cháy ngoài nhà chữ Y (2 họng)	1	cái	
11	Tủ đựng vòi chữa cháy ngoài nhà	2	cái	
12	Vòi chữa cháy Ø65, loại 20m	4	cuộn	
12	Lăng phun chữa cháy chuyên dụng Ø65	4	cái	
13	Tủ đựng vòi chữa cháy trong nhà	6	cái	
13	Ngàm cứu hỏa chuyên dùng Ø50	6	cái	
14	Lăng phun nước chuyên dùng Ø50	6	cái	
14	Cuộn vòi chữa cháy Ø50, loại 20m	6	cuộn	
15	Kệ để bình chữa cháy	10	cái	
15	Bình bột chữa cháy bột 8kg	10	bình	
16	Bình khí chữa cháy CO2 (5 kg)	10	bình	
16	Nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	6	bộ	
17	Dụng cụ phá dỡ thông thường (búa, kìm, xà beng...)	1	bộ	
17	Trung tâm báo cháy 4zone + Acquy	1	cái	
18	Thiết bị cắt xung sét 1P-40kA	1	cái	
18	Kim thu hiện đại bán kính bảo vệ cấp 3; R=71m (không bao gồm nhân công lắp đặt)	1	bộ	
19	Vật tư phụ lắp đặt thiết bị	1	HT	
19	Chi phí vận chuyển, nhân công lắp đặt, kiểm định và nghiệm thu hoàn chỉnh	1	HT	
20	TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ BÌNH SƠN			
20	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel (Q=75m3/h ; H=50m)	1	máy	
21	Máy bơm chữa cháy động cơ điện liên trục (Q=75m3/h ; H=50m)	1	máy	
21	Máy bơm điện bù áp (Q=5.4m3/h ; H=50m)	1	máy	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
22	Van khóa mồi bơm DN32 (Ø42)	2	cái	
22	Van khoá DN50 (van bướm tay gạt Ø60)	1	cái	
23	Van khoá DN100 (van bướm tay gạt Ø114)	4	cái	
23	Van khoá DN80 (van bướm tay gạt Ø90)	4	cái	
24	Van cổng DN100 (Ø114)	5	cái	
24	Van bướm 1 chiều DN100 (Ø114)	4	cái	
25	Van bướm 1 chiều DN50 (Ø60)	2	cái	
25	Van an toàn DN50 (Ø60)	2	cái	
26	Chống rung D114mm	4	cái	
26	Chống rung chân máy bơm	8	cái	
27	Lúp be DN100 (Ø114)	2	cái	
27	Lúp be DN50 (Ø60)	1	cái	
28	Y lọc DN100 (Ø114)	2	cái	
28	Y lọc DN50 (Ø60)	1	cái	
29	Đồng hồ đo áp lực + Van bi + Siphon	1	bộ	
29	MCB 3P- 100A	1	cái	
30	Giá đỡ tủ điều khiển bơm	1	bộ	
30	Tủ điều khiển máy bơm	1	tủ	
31	Trụ chờ tiếp nước ngoài nhà, 2 họng	2	trụ	
31	Họng chữa cháy ngoài nhà chữ Y (2 họng)	1	cái	
32	Tủ đựng vòi chữa cháy ngoài nhà	2	cái	
32	Vòi chữa cháy Ø65, loại 20m	4	cuộn	
33	Lăng phun chữa cháy chuyên dụng Ø65	4	cái	
33	Tủ đựng vòi chữa cháy trong nhà	2	cái	
34	Ngàm cứu hỏa chuyên dùng Ø50	2	cái	
34	Lăng phun nước chuyên dùng Ø50	2	cái	
35	Cuộn vòi chữa cháy Ø50, loại 20m	2	cuộn	
35	Kệ để bình chữa cháy	6	cái	
36	Bình bột chữa cháy bột 8kg	6	bình	
36	Bình khí chữa cháy CO2 (5 kg)	6	bình	
37	Nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	2	bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
37	Dụng cụ phá dỡ thông thường (búa, kìm, xà beng...)	1	bộ	
38	Kim thu hiện đại bán kính bảo vệ cấp 3; R=71m (không bao gồm nhân công lắp đặt)	1	bộ	
38	Vật tư phụ lắp đặt thiết bị	1	HT	
39	Chi phí vận chuyển, nhân công lắp đặt, kiểm định và nghiệm thu hoàn chỉnh	1	HT	
	III. TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG XÃ BÌNH SƠN			
1	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel (Q=75m ³ /h ; H=50m)	1	máy	
2	Máy bơm chữa cháy động cơ điện liên trục (Q=75m ³ /h ; H=50m)	1	máy	
3	Máy bơm điện bù áp (Q=5.4m ³ /h ; H=50m)	1	máy	
4	Van khóa mỗi bơm DN32 (Ø42)	2	cái	
5	Van khoá DN50 (van bướm tay gạt Ø60)	1	cái	
6	Van khoá DN100 (van bướm tay gạt Ø114)	4	cái	
7	Van khoá DN80 (van bướm tay gạt Ø90)	4	cái	
8	Van cổng DN100 (Ø114)	5	cái	
9	Van bướm 1 chiều DN100 (Ø114)	4	cái	
10	Van bướm 1 chiều DN50 (Ø60)	2	cái	
11	Van an toàn DN50 (Ø60)	2	cái	
12	Chống rung D114mm	8	cái	
13	Chống rung chân máy bơm	8	cái	
14	Lúp be DN100 (Ø114)	2	cái	
15	Lúp be DN50 (Ø60)	1	cái	
16	Đồng hồ đo áp lực + Van bi + Siphon	1	bộ	
17	MCB 3P- 100A (Panasonic)	1	cái	
18	Giá đỡ tủ điều khiển bơm	1	bộ	
19	Tủ điều khiển máy bơm	1	tủ	
20	Trụ chờ tiếp nước ngoài nhà, 2 họng	1	trụ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
21	Hạng chữa cháy ngoài nhà chữ Y (2 hạng)	1	cái	
22	Tủ đựng vòi chữa cháy ngoài nhà	1	cái	
23	Vòi chữa cháy Ø65, loại 20m	2	cuộn	
24	Lăng phun chữa cháy chuyên dụng Ø65	2	cái	
25	Tủ đựng vòi chữa cháy trong nhà	2	cái	
26	Ngàm cứu hỏa chuyên dùng Ø50	2	cái	
27	Lăng phun nước chuyên dùng Ø50	2	cái	
28	Cuộn vòi chữa cháy Ø50, loại 20m	2	cuộn	
29	Kệ để bình chữa cháy	4	cái	
30	Bình bột chữa cháy bột 8kg	4	bình	
31	Bình khí chữa cháy CO2 (5 kg)	4	bình	
32	Nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	2	bộ	
33	Dụng cụ phá dỡ thông thường (búa, kìm, xà beng...)	1	bộ	
33	Trung tâm báo cháy 4zone + Acquy	1	Cái	
34	Thiết bị cắt xung sét 1P-40kA	1	cái	
35	Kim thu hiện đại bán kính bảo vệ cấp 3; R=71m (không bao gồm nhân công lắp đặt)	1	bộ	
36	Vật tư phụ lắp đặt thiết bị	1	HT	
37	Chi phí vận chuyển, nhân công lắp đặt, kiểm định và nghiệm thu hoàn chỉnh	1	HT	
	TỔNG CỘNG GÓI THẦU SỐ 40			1.245.695.000
Gói thầu số 41 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị đường dây điện và các trạm biến áp khu hành chính xã Bình Sơn và Suối Trầu.				
A	ĐƯỜNG DÂY TRUNG HẠ THỂ NỔI			
1	FCO 24KV - 200A	3	cái	
2	Dây chằng 30K	3	sợi	
3	Chống sét van LA18kV	3	cái	
B	PHẦN CÁP NGÀM TRUNG THỂ			
	Chi phí thiết bị đường dây ngầm (đầu nhánh cáp ngầm)			
1	Chống sét van LA18kV	3	cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
2	FCO 24KV - 200A	3	cái	
3	Dây chảy 20K	3	sợi	
C	TRẠM BIẾN ÁP			
I	TBA6- 250KVA Trụ thép không tích hợp RMU			
1	Chống sét van LA18kV	3	cái	
2	FCO 24KV - 200A	3	cái	
3	Dây chảy 8K	3	sợi	
4	Máy biến áp 22/0,4kV- 250kVA - Amorphous	1	máy	
5	MCCB 3 cực 400V - 400A -40KA- NF400-CW	1	cái	
6	MCCB 3 cực 400V -160A -25KA- NF250-CV	2	cái	
7	MCCB 3 cực 400V -100A -25KA- NF250-CV	6	cái	
8	Công lắp đặt + Phụ kiện + kiểm định + vận chuyển	1	HT	
II./	TBA3- 250KVA Trụ thép không tích hợp RMU			
1	Chống sét van LA18kV	3	cái	
2	FCO 24KV - 200A	3	cái	
3	Dây chảy 8K	3	sợi	
4	Máy biến áp 22/0,4kV- 250kVA - Amorphous	1	máy	
5	MCCB 3 cực 400V - 400A -40KA- NF400-CW	1	cái	
6	Công lắp đặt + Phụ kiện + kiểm định+ vận chuyển	1	HT	
III./	TBA5- 250KVA Trụ thép không tích hợp RMU 3 ngăn			
1	Tủ RMU 3 ngăn 24kV IQI (cho TBA T5) + bộ bảo sự cố	1	bộ	
2	Máy biến áp 22/0,4kV- 250kVA - Amorphous	1	máy	
3	MCCB 3 cực 400V - 400A -40KA- NF400-CW	1	cái	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
4	MCCB 3 cực 400V -160A -25KA-NF250-CV	1	cái	
5	MCCB 3 cực 400V -100A -25KA-NF250-CV	4	cái	
6	Công lắp đặt + Phụ kiện + kiểm định+vận chuyển	1	HT	
IV	TBA7- 400KVA Trụ thép không tích hợp RMU 2 ngăn			
1	Tủ RMU 02 ngăn 24kV IQ (cho TBA T7) + bộ bảo sự cố	1	bộ	
2	Máy biến áp 22/0,4kV- 400kVA-Amorphous	1	máy	
3	MCCB 3 cực 400V - 630A -40KA-NF630-CW	1	cái	
4	MCCB 3 cực 400V -250A -25KA-NF250-CV	2	cái	
5	MCCB 3 cực 400V -160A -25KA-NF250-CV	2	cái	
6	MCCB 3 cực 400V -100A -25KA-NF250-CV	2	cái	
7	Công lắp đặt + Phụ kiện + kiểm định+vận chuyển	1	HT	
	TỔNG CỘNG GÓI THẦU SỐ 41			1.867.945.000
Gói thầu số 42 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị môi trường (Trạm xử lý chất thải khu hành chính xã Bình Sơn và Suối Trầu).				
A./	CHI PHÍ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ			
1	- Bơm nước thải WP-01A/B	2	Bộ	
2	- Phao mực nước	1	Bộ	
3	- Lưới tách rác	1	Bộ	
4	- Bơm nước thải			
4,1	Máy bơm WP-03A/B	2	Cái	
4.2	Phụ kiện	12	Cái	
5	- Đĩa phân phối khí DK-03	12	Cái	
6	- Phao mực nước	1	Bộ	
7	- Máy khuấy chìm MK-04A/B	2	Bộ	
8	- Hệ thống thanh trượt	2	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Kí hiệu	Thành tiền
9	- Máy thổi khí AB-05A/B	2	Bộ	
10	- Đĩa phân phối khí DK-05	56	Cái	
	Phụ kiện	56	Cái	
11	- Bơm nước thải WP-05A/B	2	Bộ	
12	- Ống phân phối trung tâm	1	Bộ	
13	- Máng thu nước	1	Bộ	
14	- Hệ thống gạt bùn MT-06 (GB-06)	1	Bộ	
15	- Bơm bùn thải SP-06A/B	2	Bộ	
	- Hoạt động luân phiên			
16	- Bơm định lượng hóa chất DP-07	1	Bộ	
17	- Bồn chứa hóa chất	1	Bộ	
18	- Đường ống công nghệ	1	HT	
19	- Đường ống cấp khí	1	HT	
20	- Tủ điện điều khiển	1	Bộ	
21	- Hệ thống cáp điện	1	HT	
B./	CHI PHÍ VẬN HÀNH VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ			
22	- Bùn vi sinh hiếu khí, thiếu khí	80	m3	
23	- Chi phí vận chuyển - Nhân công (lắp đặt) nuôi cấy vi sinh và vận hành thử nghiệm hệ thống	1	T.bộ	
24	- Hóa chất vận hành	1	Thùng	
25	Chi phí đào tạo hướng dẫn vận hành chuyển giao công nghệ; vận hành thử nghiệm và kết quả vận hành thử nghiệm HTXL nước thải ; kiểm tra, xác nhận HTXL nước thải			
	- Chi phí đào tạo hướng dẫn vận hành chuyển giao công nghệ	1	T.bộ	
	- Chi phí xin vận hành thử nghiệm HTXL nước thải	1	T.bộ	
	- Chi phí lập hồ sơ báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm HTXL nước thải	1	T.bộ	
	- Chi phí kiểm tra, xác nhận HTXL nước thải	1	T.bộ	
	TỔNG CỘNG GÓI THẦU SỐ 42			1.550.186.000

